

Số: 404/QĐ-UBND

Châu Thành, ngày 12 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hảo Đức,
huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 184/TTr-KTHT ngày 11/10/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi quy hoạch là toàn bộ ranh giới hành chính của xã Hảo Đức, thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Ranh giới tiếp giáp xung quanh như sau:
 - + Phía Bắc giáp xã An Cơ;
 - + Phía Nam giáp xã Hảo Đức và sông Vàm Cỏ;
 - + Phía Đông giáp xã Thái Bình và xã Hảo Đức;
 - + Phía Tây giáp xã Phước Vinh và rạch Bến Đá.
- Quy mô lập quy hoạch: 3.581,64 ha.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nông thôn của Quốc gia và của tỉnh Tây Ninh trên địa bàn xã Hảo Đức.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Châu Thành và xã Hảo Đức phù hợp với các định hướng đã đề ra của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và xã nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian toàn xã, phân vùng phát triển kinh tế, hệ thống các điểm dân cư nông thôn, dân cư đô thị, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và giải pháp quy hoạch cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của xã trong mối quan hệ với huyện, tỉnh và các khu vực tiếp giáp xung quanh.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch chi tiết xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn xã Hảo Đức.

3. Tiềm năng, động lực phát triển

- Có khả năng hình thành một nền kinh tế nông nghiệp chất lượng cao của huyện Châu Thành

- Khí hậu, môi trường, tài nguyên đất đai ưu đãi thích hợp trồng trọt các loại nông sản như lúa, lúa mì, rau các loại và các loại cây lâu năm như cao su, cây ăn quả lâu năm, phát triển ổn định vùng nguyên liệu góp phần làm gia tăng giá trị sản lượng nông nghiệp là một yếu tố cho quá trình phát triển bền vững.

- Lực lượng lao động trẻ dồi dào là yếu tố quan trọng cho quá trình hiện đại hóa nông thôn.

- Tuyến ĐH (Hương Lộ 3) nối trung tâm xã với xã An Cơ ở phía Bắc và Hảo Đức, Thái Bình ở phía Nam và Đông Nam rồi đi về thị trấn Châu Thành

- Tuyến ĐH (Hương Lộ 11b) nối trung tâm xã rồi đi về xã Hảo Đức ở phía Đông Nam.

- Các trục giao thông này đóng vai trò quan trọng trong quá trình kết nối không gian của xã với các khu vực phát triển trong huyện Châu Thành.

4. Tính chất chức năng

- Là xã nông nghiệp và là vùng phát triển kết nối mở rộng của Thị trấn Châu Thành về phía Tây.

- Là một trong những đầu mối giao thông quan trọng của huyện với lợi thế tiếp cận tuyến ĐT 781 nối ra cửa khẩu Phước Tân, kết nối thuận lợi với tuyến

Quốc lộ 14C, qua cầu Bến Sỏi, là tuyến đường biên giới Tây Nam sẽ tạo điều kiện để địa phương phát triển các mặt kinh tế xã hội.

5. Thời hạn, tỷ lệ lập quy hoạch

- Thời hạn quy hoạch: quy hoạch đến năm 2035.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã tỷ lệ 1/5.000; Điểm dân cư trung tâm xã tỷ lệ 1/500.

6. Dự báo quy mô dân số

- Dự kiến quy mô dân số các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn đến năm 2030: khoảng 9.500-10.000 người.

+ Giai đoạn đến năm 2035: khoảng 10.000-11.000 người

7. Định hướng tổ chức không gian xã

7.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, các khu dân cư

7.1.1. Tổ chức mạng lưới các khu dân cư

- Căn cứ theo sự phát triển và phân bố dân cư, đề xuất tổ chức không gian xã Hảo Đức thành 3 điểm dân cư tập trung và dân cư phân bố phân tán như sau:

a. Điểm dân cư số 1

- Vị trí: tại Ấp Sân Lẽ và ấp Trường

- Tính chất: là khu vực trung tâm xã, là điểm dân cư nông thôn có mật độ cao, kết hợp thương mại dịch vụ và sản xuất nông nghiệp.

- Quy mô dân số:

- Năm 2030 : 1.900 dân

- Năm 2035 : 2.000 dân

- Đặc điểm điểm dân cư

- Là điểm dân cư hỗn hợp, nhà ở kinh doanh dịch vụ và nhà ở vườn.

b. Điểm dân cư số 2

- Vị trí: tại Ấp Cầu Trường và ấp Bàu Sen

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ cao, kết hợp thương mại dịch vụ và sản xuất nông nghiệp.

- Quy mô dân số:

- Năm 2030 : 2.900 dân

- Năm 2035 : 3.000 dân

- Đặc điểm điểm dân cư

- Là điểm dân cư hỗn hợp bao gồm các loại hình nhà như nhà liên kế, nhà vườn, chỉnh trang kết hợp xây dựng mới.

c. Điểm dân cư số 3

- Vị trí: tại Ấp Bình Lợi

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp với sản xuất nông nghiệp.

- Quy mô dân số:

+ Năm 2030 : 1.900 dân

+ Năm 2035 : 2.000 dân

- Đặc điểm điểm dân cư

- là điểm dân cư tập trung, nhà vườn hiện hữu cải tạo chỉnh trang

d. Dân cư phân bố phân tán

- Bao gồm dân cư nằm rải rác dọc theo các trục đường Huyện, đường xã và trong nội đồng khoảng 4.000 người.

- Các điểm dân cư này được phát triển dọc theo các trục đường chính.

- Các cụm dân cư trong khu vực nội đồng được khoanh vùng phát triển và không phát triển thêm.

7.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình dịch vụ công cộng

7.2.1. Trung tâm hành chính xã

- Bao gồm UBND xã và các nhà văn hóa tại các ấp

- Nâng cấp và duy tu UBND xã ở vị trí cũ tại Sân Lẽ

- Nâng cấp nhà văn hóa tại các ấp, các công trình này đảm bảo đa chức năng như sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao và là nơi tổ chức hội họp, học tập cộng đồng tại các ấp.

7.2.2. Công trình y tế

- Trạm y tế xã đã đạt chuẩn, diện tích đủ để bố trí, nâng cấp và xây mới thêm các phòng chức năng đảm bảo nhu cầu chăm sóc y tế cho người dân, dự kiến bố trí trạm y tế tại vị trí cũ ở ấp Sân Lẽ với diện tích khoảng 037 ha.

7.2.3. Trung tâm văn hóa – thể thao xã

- Quỹ đất bố trí trung tâm văn hóa được bố trí tại ấp Trường kết hợp với sân vận động xã, sau khuôn viên trường THCS Hảo Đức, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia các hoạt động văn hóa thể thao.

- Tổng diện tích đất cần thiết để xây dựng công trình văn hóa là khoảng 1,7 ha.

7.2.4. Công trình thương mại dịch vụ

- Trên địa bàn hiện có 2 chợ là chợ Hảo Đức và chợ Bàu Sen.

- Chợ Bàu Sen được nâng cấp trên vị trí cũ tại ấp Bàu Sen trên tuyến đường Huyện 03, có vị trí thuận lợi về giao thông và giao thương hàng hóa với xã Hảo Đức, Thái Bình và Thị trấn Châu Thành.

- Chợ Hảo Đức nằm trên đường huyện 11B đã được xây dựng khang trang sẽ được cải tạo cảnh quan nhằm đảm bảo mỹ quan khu vực.

- Tổng diện tích xây dựng đất thương mại dịch vụ trên địa bàn xã đến năm 2035 khoảng 1,43 ha.

7.2.5. Công trình giáo dục

- Nâng cấp năng lực phục vụ cần cải tạo và mở rộng diện tích để tạo điều kiện nâng cấp đạt chuẩn quốc gia.

- Bố trí một điểm trường mẫu giáo tại các ấp Trường để đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân trong khu vực.

- Tổng diện tích xây dựng trường trên địa bàn xã là :

+ Trường mầm non : 1,80 ha

+ Trường tiểu học : 4,00 ha

+ Trường THCS : 1,56 ha

7.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

Đặc thù của Hảo Đức là một xã nông nghiệp. Tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa có chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, ưu tiên các ngành hàng nông sản có quy mô sản xuất lớn có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ mạnh và lựa chọn sản phẩm.

Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển sản xuất của xã Hảo Đức.

Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển sản xuất của xã Hảo Đức.

Vùng sản xuất Nông Nghiệp chủ yếu nằm ở phía Bắc và phía Nam, tiếp giáp sông Vàm Cỏ Đông với các loại cây trồng chủ yếu: Lúa, Hoa màu.

- Ngành trồng trọt:

Xã Hảo Đức đã định hình cây lúa và hoa màu là cây trồng chính. Chuyển đổi cây trồng theo hướng tăng sản lượng, giảm chi phí đầu tư và nhân công, lựa chọn cây trồng thích hợp với từng loại đất và có giá cả phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế từng hộ gia đình.

- Chăn nuôi:

Định hướng cho người dân phát triển đàn trâu, bò, heo, gia cầm... hình thành các trang trại chăn nuôi, đảm bảo cung cấp kịp thời nhu cầu thực phẩm trên địa bàn và ngoài địa phương. Tận dụng lợi thế nguồn nước từ sông Vàm Cỏ Đông và hệ thống kênh rạch, phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản. Phối hợp trạm KN huyện, tập huấn, hướng dẫn nông dân ứng dụng các tiến bộ KHKT, các giống mới vào chăn nuôi để tăng hiệu quả kinh tế

8. Quy hoạch sử dụng đất

ST T	Giai đoạn	2021 (hiện trạng)			2030			2035		
	Dân số	9.437			10.000-10.500			10.500-11.000		
	Danh mục sử dụng đất	Chỉ tiêu m2/người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m2/n người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m2/n người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất phi nông nghiệp		308,21	8,61	366,2 ₃	384,54	10,74	365,1 ₅	401,66	11,21
1	Đất ở	69,68	65,76	1,84	91,32	91,32	2,55	87,56	96,32	2,69
2	Đất dịch vụ công cộng	5,38	5,08	0,14	12,04	12,04	0,34	11,12	12,23	0,34
2.1	Đất công trình giáo dục - đào tạo		2,69	0,08		7,36	0,21		7,36	0,21
	Đất trường THCS		0,66	0,02		1,56	0,04		1,56	0,04
	Đất trường tiểu học		1,56	0,04		4,00	0,11		4,00	0,11
	Đất trường mẫu giáo		0,47	0,01		1,80	0,05		1,80	0,05
2.2	Đất công trình hành chính		1,23	0,03		1,23	0,03		1,23	0,03
2.3	Đất trạm y tế		0,07	0,00		0,37	0,01		0,37	0,01
2.4	Đất thương mại		0,82	0,02		1,24	0,03		1,43	0,04
2.6	Đất công cộng dịch vụ khác		0,27	0,01		1,84	0,05		1,84	0,05

3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,64	1,55	0,04	3,10	3,10	0,09	3,09	3,40	0,09
4	Đất khai thác vật liệu		14,16	0,40		14,16	0,40		14,16	0,40
5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh		8,10	0,23		25,10	0,70		25,10	0,70
6	Khu hỗ trợ phát triển kinh tế		0,52	0,01		0,52	0,01		0,52	0,01
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	99,21	93,62	2,61	118,88	118,88	3,32	118,65	130,51	3,64
7.1	Đất giao thông		81,32	2,27		104,93	2,93		115,56	3,23
7.2	Đất nghĩa trang		12,12	0,34		12,12	0,34		12,12	0,34
7.3	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		0,18	0,01		1,83	0,05		2,83	0,08
8	Đất thủy lợi		115,66	3,23		115,66	3,23		115,66	3,23
9	Đất tôn giáo - Tín ngưỡng		2,03	0,06		2,03	0,06		2,03	0,06
10	Đất di tích - lịch sử		1,73	0,05		1,73	0,05		1,73	0,05
II	Đất nông nghiệp		3.206,59	89,53		3.130,26	87,40		3.113,14	86,92
11	Đất trồng lúa		1.324,80	36,99		1.288,90	35,99		1.285,10	35,88
12	Đất trồng cây hàng năm		884,86	24,71		849,40	23,72		838,61	23,41
13	Đất trồng cây lâu năm		977,94	27,30		978,82	27,33		976,29	27,26
14	Đất nuôi trồng thủy sản		18,11	0,51		13,14	0,37		13,14	0,37
15	Đất nông nghiệp khác		0,88	0,02		39,71	1,11		39,71	1,11
III	Đất khác		66,84	1,87		66,84	1,87		66,84	1,87
16	Sông rạch - mặt nước		66,84	1,87		66,84	1,87		66,84	1,87
Tổng diện tích tự nhiên			3.581,64	100,00		3.581,64	100,00		3.581,64	100,00

9. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

9.1.1. Giao thông đối ngoại

- Đường huyện 3 (ĐH.03): là trục ngang trong mạng lưới đường chính của huyện Châu Thành, kết nối giao thông giữa thị trấn Châu Thành với các xã Hảo Đức và Hảo Đức. Điểm đầu tại ngã tư Tam Hạp và điểm cuối tại ngã 3 Bến Trờng.

- Đường huyện 4 (ĐH.04): là trục dọc trong mạng lưới đường chính của huyện Châu Thành, phục vụ cho việc vận chuyển sản phẩm hàng nông nghiệp. Điểm đầu giao với ĐT.788 và điểm cuối tại sông Vàm Cỏ Đông.

- Đường huyện 11B (ĐH.11B): là trục dọc trong mạng lưới đường chính của huyện Châu Thành, kết nối giao thông giữa các khu dân cư của hai xã Hảo Đức và Hảo Đức. Điểm đầu giao với ĐT.781 và điểm cuối giao với ĐH.04.

- Đường huyện 21 (ĐH.21): là trục dọc trong mạng lưới đường chính của huyện Châu Thành, kết nối giao thông giữa các khu dân cư của hai xã Hảo Đức và An Cơ. Điểm đầu giao với ĐH.03 và điểm cuối giao với ĐT.788 tại ấp Sa Nghe xã An Cơ.

- Các tuyến đường này được thiết kế với mặt cắt ngang 1-1 như sau:

+ Mặt đường: 7 m

+ Lê đường: 1+1 m

+ Nền đường : 9 m

+ Lộ giới: 30 m

+ Cấp đường: IV

9.1.2. Giao thông đối nội:

a. Đường xã

- Các tuyến đường xã có chức năng kết nối các khu dân cư và vùng sản xuất ra đường huyện.

- Các tuyến này phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại sinh hoạt hàng ngày của người dân tại các làng, xã, thôn ấp.

❖ Mặt cắt ngang 2-2:

+ Mặt đường: 5.5m

+ Lê đường: 1+1m

+ Nền đường : 7.5 m

+ Lộ giới: 17 m

+ Cấp đường: VI

Kết cấu mặt đường: bê tông xi măng, bê tông nhựa

b. Đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng.

- Phục vụ cho nhu cầu đi lại trong ấp và hoạt động sản xuất của người dân trên địa bàn xã. Kết nối giao thông từ thôn ấp, các vùng, khu hoạt động sản xuất ra đường xã.

- Các tuyến đường này được thiết kế với mặt cắt ngang như sau (mặt cắt 3-3):

+ Mặt đường: 3.0 - 4.0m

+ Lê đường: 0.5+0.5 - 1.0+1.0m

+ Nền đường : 4.0 – 6.0 m

+ Lộ giới: 7.0 – 9.0m

+ Cấp đường: A

+ Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng hoặc Cấp phối sỏi đỏ

9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

9.2.1. Quy hoạch san nền

- Bám sát địa hình tự nhiên, tránh khối lượng đào đắp lớn, cao độ xây dựng cơ bản lấy theo cao độ tự nhiên, biện pháp san nền chủ yếu là san gạt cục bộ cho từng công trình xây dựng. Nền công trình cao hơn nền đường 0.2m.

+ Điểm dân cư số 1: $H_{xd} \geq 11.20$ m

+ Điểm dân cư số 2: $H_{xd} \geq 12.00$ m

+ Điểm dân cư số 3: $H_{xd} \geq 9.80$ m

9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Xây dựng hệ thống thoát nước chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước bằng mương bê tông B400 – B2500, bố trí dọc theo các tuyến đường trong các điểm dân cư, thu nước mưa từ các công trình và mặt đường. Hướng thoát nước chính là thoát ra các kênh và rạch Bến Đá, suối Bà Đét.

tại các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn hoặc các quy chuẩn tương đương xả ra hệ thống mương nắp đan thoát nước mưa chạy dọc theo các tuyến đường.

- Các cơ sở sản xuất có nguồn thải tập trung phải xử lý theo tiêu chuẩn và quy định về bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa phải có hệ thống xử lý nước thải riêng và xử lý đạt chuẩn.

- Với khu vực nhà vườn, nhà ở kết hợp với nông nghiệp có lưu lượng nước thải phát sinh nhỏ trên diện tích lớn, hệ thống thoát nước được chọn là hệ thống chung và kết hợp mô hình VAC.

9.4.2. Quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng khoảng 09 tấn/ngđ, tiêu chuẩn 0,8 kg/người (khu vực nông thôn).

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn nhằm giảm khối lượng thu gom và vận chuyển, bố trí thêm các điểm tập kết CTR tại các khu vực dân cư.

- Chất thải rắn được thu gom vận chuyển đến các bãi rác tập trung, sau đó đưa về khu xử lý chung của huyện Châu Thành.

- Khuyến khích phát triển bãi xử lý chất thải rắn gắn với vườn ươm cây xanh tạo nên vành đai xanh bảo vệ môi trường.

9.4.3. Nghĩa trang nhân dân

- Sử dụng loại hình địa táng 1 lần.

- Trong giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện hữu của xã.

- Trong giai đoạn dài hạn, từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về khoảng cách môi trường do gần khu dân cư, đồng thời nâng cấp mở rộng các nghĩa trang tập trung, đáp ứng nhu cầu theo từng giai đoạn.

9.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Phụ tải điện xã Hảo Đức – huyện Châu Thành bao gồm các thành phần chính: sinh hoạt dân dụng, công cộng dịch vụ.

- Căn cứ theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị 07:2016 và Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD do Bộ Xây Dựng ban hành năm 2021, quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016– 2025 có xét đến năm 2035, chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng, công trình công cộng dịch vụ khu quy hoạch được tính như sau:

- Sinh hoạt dân dụng

- + Chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng là 1.000 kWh/người/năm.

Công cộng và dịch vụ

- + Chỉ tiêu cấp điện cho công cộng lấy bằng 30% điện sinh hoạt dân dụng.

- Nguồn cấp điện cho xã xã Hảo Đức là nguồn điện lưới quốc gia qua các tuyến trung thế 22kV từ trạm biến thế 110/22 kV Suối Dộp -2x40MVA qua các tuyến 22kV đi trên các đường chính như đường Đường huyện 03, đường 11B

9.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Dự kiến nhu cầu Quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam :

- + Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân.

+ Tỷ lệ ADSL: 100% hộ dân được sử dụng đường truyền ADSL.

10. Quy định quản lý:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch nông thôn xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND xã Hảo Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND xã triển khai thực hiện:

- Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức thực hiện.
- Lập kế hoạch kêu gọi đầu tư theo phân đợt đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng: Kinh tế Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã Hảo Đức, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh;
- Các Sở ban ngành có liên quan;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Lưu: VT, PKTHT.



Đỗ Thành Trung

